TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 221/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28-12-2021.
V/v "L hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Bà: Lê Thị Xuân Đào

2. Ông: Nguyễn Trí Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 441/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/5/2021 về việc "*L hôn, tranh chấp nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2021, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh C.

Tạm trú: Ấp B2, xã Đạ,huyện Đ, tỉnh L.

(Bà N có mặt, ông L vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin L hôn ngày 26/4/2021 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Bé N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, C. Bà N cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên bà và ông L đã L thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin L hôn.

Về con chung: Bà N khai bà và ông L có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh năm 2014, hiện con đang sống chung với bà. Khi L hôn, bà N xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn L, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông không đến tòa theo giấy triệu tập, không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu xin L hôn của bà N.

Bà N có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án*

Bà Nguyễn Thị Bé N xin L hôn với ông Nguyễn Văn L. Theo xác nhận của chính quyền địa phương thì tại thời điểm Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn N hiện đang cư trú tại xã Đ, Đ, L. Theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm theo thủ tục chung là đúng với quy định tại các điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung,*

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Bé N và ông Nguyễn Văn L chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với Điều 09 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án thì bà N xin L hôn vì cho rằng vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đối với ông L, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Tại phiên tòa, ông L cũng vắng mặt, điều này chứng tỏ cả hai không có thiện chí để hàn gắn, đoàn tụ trong khi thời gian L thân nhau đã lâu.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà N và ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà N xin L hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung*: Bà N khai bà và ông N có 01 con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh năm 2014. Khi L hôn, bà N xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, cháu K đã đủ 07 tuổi, tại bản tự khai cháu có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ L hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Kỳ cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[2.4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Bé N khai không có. Ông Nguyễn Văn L vắng mặt, không có ý kiến phản hồi gì về quá trình sống chung giữa ông và bà N có tài sản chung hoặc có nợ ai hay không nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp ông N có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác nếu có căn cứ.

[3]. *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Bé N phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước là đúng quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 63, 146, 222, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các điều 09, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 85 và 86 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu xin L hôn của bà Nguyễn Thị Bé N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bé N được L hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bé N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Anh K, sinh năm 2014.

Ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi vì bà Nguyễn Thị Bé N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức hoặc cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên.

3. Về tài sản chung, nợ: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bé N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 7528 ngày 04/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, sang án phí để thi hành.

5. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã P, P, C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Văn Công Thức